

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+TD3+PPD	7:25	13+1+7	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
2		P11+P2	7:25	22+0	0+0		14+8	0+0	
3		Thor+P4+P3	7:25	7+14+0	0+0+0		5+12+4	0+0+0	
4		TGTH4+AMD	7:25	3+15	0+0		3+16	0+0	
5		VSP01+RP3	9:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
6		PPD+TGTH5	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
7		VSP01	9:25	22	0		22	0	
8		T.JUNG	9:25	18	0		17	0	
9		P2+TD5+SAVR	11:25	19+1+0	0+0+0		3+16+0	0+0+0	chuyen 3 TD5-SAVR
10		AMD+P10	11:25	17+3	0+0		9+12	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P10-11 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: P10 - TD3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOVT ALEXEY VIKTOR	P10	40	1	2			93	D-HANH	Russian
2	BUI VAN HUY	P10						64	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN TRUNG KIEN	P10				5	100	72	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN NAM THAI	P10	41	1	5			62	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC DUNG	P10						75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG TRINH	P10						74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DINH THO	P10	36	1	10			77	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VIET DUNG	P10						59	DIEUHANH	Vietnamese
9	BAGNYUKOV ALEXEY	P10	38	1	2			90	XAYLAP	Russian
10	LE QUOC ANH	P10	37	1	5			78	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN DUY HAI	P10						72	NIPI	Vietnamese
12	TRUONG MINH DUC	P10	39	1	2			75	NIPI	Vietnamese
13	LAI ANH TUAN	P10	42	1	13	3	48	105	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HOI	TD3	01	1	13	1	14	66	DVL	Vietnamese
15	DO CHUNG KIEN	PPD	27	1	5			61	KHI	Vietnamese
16	TRAN SON TOAN	PPD	29	1	4			74	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DUC LAM	PPD	28	1	6			68	KHI	Vietnamese
18	VO VAN QUYEN	PPD	26	1	3			70	KHI	Vietnamese
19	VU VAN TRIEU	PPD	25	1	2			78	KHI	Vietnamese
20	NGO SY THANH	PPD	30	1	5			89	KHI	Vietnamese
21	TRINH VAN CUONG	PPD	31	1	6			66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	13	996	7	39	8	148	9		
2	TD3	1	66	1	13	1	14	0		
3	PPD	7	506	7	31	0	0	13		
TOTAL		21	1.568	15	83	9	162	22		
WEIGHT KG			1.568		83		162			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025		TO: P11 - P2			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: VTHANG - CHIEN -			ETA: 09:20		
Vnhs Flying Number: TM25/2494					CAM-1 DTUNG					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DINH HUYNH	P11	58	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TAT THANH	P11	91	1	9			56	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN BINH	P11	700	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	P11	97	1	12	2	17	73	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN PHAN	P11	60	1	4	2	40	65	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	P11	98	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
7	LE THANH NGOC	P11	99	1	9			49	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN KHAI	P11	86-87	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN DUY	P11	89	1	8			80	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	P11	93-94	2	9			83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUYNH	P11	89	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P11	15	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THAI DUONG	P11	90	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
14	VU DUC THANH	P11	65	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH TRUNG NGHIA	P11	692	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DUY TAN	P11	88	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VIET MINH	P11	791	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH DANG HOAI THANH	P11	95-96	2	13			84	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN PHUONG	P11	81-82	2	15			54	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN BAO CHUONG	P11	83-84	2	19			68	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN THE HOANG	P11	85	1	14			97	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN CHI HIEU	P11	92	1	7			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	22	1.550	27	187	4	57	14		
2	P2	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.550	27	187	4	57	22		
WEIGHT KG			1.550		187		57			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025		TO: THOR - P4 - P3			AIRCRAFT: 416			ETD: 07:40		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG			ETA: 09:30		
Vnhs Flying Number: TM25/2501					TRANG-1					
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ THANH THAI	THOR	88	1	18			94	XNK-SG	Vietnamese
2	DUƠNG QUỐC VIỆT	THOR	87	1	8			87	XNK-SG	Vietnamese
3	LÊ VĂN THĂNG	THOR	81	1	12			78	DVL	Vietnamese
4	NHÂM ĐỨC TUẤN	THOR	82	1	12	1	13	72	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NGHĨA	THOR	84	1	17			83	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	THOR	85-86	2	24			70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ LINH	THOR	82	1	10	1	22	78	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ HUY	P4	22	1	7			71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	23	1	4			71	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH CANG	P4	53	1	4			77	KHI	Vietnamese
11	LÊ VĂN MẠNH	P4						58	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC DUY	P4	57	1	4			60	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	54	1	5			77	KHI	Vietnamese
14	ZAGUDAEV VITALII	P4	28	1	4			80	KHI	Russian
15	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	21	1	8			70	KHI	Vietnamese
16	DUƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	55	1	3			65	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN NAM	P4	24	1	3			71	KHI	Vietnamese
18	LÊ QUANG VINH	P4	56	1	7			67	KHI	Vietnamese
19	PHẠM LÊ TUẤN	P4	25	1	9			81	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P4	27	1	9			60	KHI	Vietnamese
21	PHAN TÀI DANH	P4	26	1	6			62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	7	562	8	101	2	35	5		
2	P4	14	970	13	73	0	0	12		
3	P3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.532	21	174	2	35	21		
WEIGHT KG			1.532		174		35			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:27
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LTUẤN - VƯƠNG	ETA: 09:25
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ THÀNH DANH	TGTH4	42-43	2	11			62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VINH QUANG	TGTH4	35-36	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
3	VI TRẦN TẤN THUẬN	TGTH4	37-38	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN AN	AMD	05	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH KHA	AMD	08	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	14	1	4			93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	07	1	2			62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	11	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	02	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	04	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	03	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRẦN LIÊM	AMD	09	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	01	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	06	1	6	4	80	69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THỤ	AMD	10	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	13	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ MẠNH HÙNG	AMD	12	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	15-16	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH4	3	195	6	33	0	0	3		
2	AMD	15	1.025	16	96	4	80	16		
TOTAL		18	1.220	22	129	4	80	19		
WEIGHT KG			1.220		129		80			

GRAND TOAL: 1.429 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025		TO: VSP01 - RP3			AIRCRAFT: 406			ETD: 09:50		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: VTHANG - CHIEN - XANH-2 DTUNG			ETA: 11:40		
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN BA NGOC	VSP01	28	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ QUANG HUY	VSP01	29	1	10	1	12	79	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	27	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	25	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	23-24	2	14			85	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	26	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
8	AKOPOV D.A.	RP3	79	1	3			87	KH-THAC	Russian
9	KHARITONOV YURY	RP3	70	1	8			76	KHI	Russian
10	PHAM NGOC HUNG	RP3	74	1	7			85	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	RP3	800	1	6			67	KHI	Vietnamese
12	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	67-69	3	13			70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KỶ	RP3	72	1	4			67	KHI	Vietnamese
14	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	71	1	6			100	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CHINH THI	RP3	73	1	8			75	KHI	Vietnamese
16	HŨA HUNG SON	RP3	76	1	11	3	42	71	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN THƯA THAI	RP3	75	1	12			67	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	65	1	4			82	KHI	Vietnamese
19	HOANG VAN HAI	RP3	75	1	6	1	15	64	KHI	Vietnamese
20	VÔ ĐƠN LONG	RP3	78	1	4			77	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	66	1	6			64	KHI	Vietnamese
22	KHÔNG TIỀN DUNG	RP3	76-77	2	20			78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	7	531	7	52	1	12	5		
2	RP3	15	1.130	18	118	4	57	17		
TOTAL		22	1.661	25	170	5	69	22		
WEIGHT KG			1.661		170		69			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: PPD - TGTH5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐÔNG - THÔNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MINH VIEN	PPD	03-04	2	13	2	40	77	KHI	Vietnamese
2	OKOVANTSEV G.	PPD	06	1	17			116	KHI	Russian
3	ĐO VĂN TUẤN	PPD	01	1	2			69	KHI	Vietnamese
4	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	11	1	4			74	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN CONG HIEN	PPD	14	1	3			55	KHI	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	02	1	5			57	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TAT KHANH	PPD	15	1	5			70	KHI	Vietnamese
8	BUI NGOC HUONG	PPD	07	1	6			64	KHI	Vietnamese
9	LE TRUNG LAN	PPD	09	1	4			80	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	08	1	6			74	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TU	PPD	12	1	7			77	KHI	Vietnamese
12	TRUONG HAI HA	PPD	16	1	6			70	KHI	Vietnamese
13	LE THANH TRUNG	PPD	13	1	3			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	PPD	10	1	5			75	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						86	KHI	Vietnamese
16	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	17	1	6			58	KHI	Vietnamese
17	LE HONG PHONG	PPD	05	1	5			82	KHI	Vietnamese
18	TRAN MINH KIEN	TGTH5	14	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI THANH THAO	TGTH5	15	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM ANH ĐỨC	TGTH5	10	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH PHUC AM	TGTH5	13	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	11-12	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	17	1.250	17	97	2	40	16		
2	TGTH5	5	344	6	38	0	0	6		
TOTAL		22	1.594	23	135	2	40	22		
WEIGHT KG			1.594		135		40			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HAI NAM	VSP01	61	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	62	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	59	1	5			56	YTE	Vietnamese
4	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	50	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUY BÌNH	VSP01						64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	52	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP01	51	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	56-57	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	66	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH VĂN THƠN	VSP01						76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	63	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN DUY BÌNH	VSP01	67	1	6			96	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	64	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	54	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	68	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	65	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	60	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	49	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN KIM	VSP01	58	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
22	CHERNYSHEV VITALY	VSP01	55	1	7			112	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	22	1.611	20	108	0	0	22		
TOTAL		22	1.611	20	108	0	0	22		
WEIGHT KG			1.611		108		0			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:05
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LTUẤN - VƯƠNG	ETA: 13:15
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	70	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	62	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRONG SƠN	T.UNG	67	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
4	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	59	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	57	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	66	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	58	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	65	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG						65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG						69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	60	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	73-74	2	20	3	60	84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀNG TUNG	T.UNG	63-64	2	11			64	GETRACO	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	61	1	8			78	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG SƠN	T.UNG	68	1	11			75	CODIEN	Vietnamese
16	TRINH CÔNG SƠN	T.UNG	71-72	2	19			51	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG ĐỨC	T.UNG	69	1	9	4	80	64	CODIEN	Vietnamese
18	NGÔ KIM NGHIỆP	T.UNG	75	1	13			85	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.259	19	150	7	140	17		
	TOTAL	18	1.259	19	150	7	140	17		
	WEIGHT KG		1.259		150		140			

GRAND TOAL: 1.549 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025	TO: P2 - TD5 - SAVR	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - THÔNG	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ QUANG ĐẠT	P2	09	1	3			56	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUÔNG	P2	03	1	3			73	KHI	Vietnamese
3	TÀ VĂN CƯỜNG	P2	96-97	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN BA ĐÔNG	P2	04-05	2	12			63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	P2	01-02	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐẠI THẮNG	P2	12-13	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VĂN TỈNH	P2	25-26	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HỮU MINH	P2	16-17	2	16			83	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	40	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ VĂN SƠN	P2	21-22	2	19			50	XAYLAP	Vietnamese
11	HỒ VĂN DUYỆT	P2	19-20	2	22			61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TIẾN	P2	14	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN HỒI	P2	15	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P2	23-24	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NGỌC ANH	P2	18	1	17			93	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HẠM CHUNG	P2	10-11	2	21			70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG VINH	P2	98	1	12			82	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN HOÀNG	P2	41	1	8	1	11	68	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ TRỌNG BANG	P2	07	1	7			74	PSV	Vietnamese
20	GIANG MINH TRƯỞNG	SAVR	92-93	2	9			93	AMNGR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	19	1.313	29	268	1	11	3		
2	TD5	0	0	0	0	1	4	16	15	CHUYEN 3 PAX TD5-SAVR
3	SAVR	1	93	2	9	0	0	2		
TOTAL		20	1.406	31	277	2	15	21		
WEIGHT KG			1.406		277		15			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2025		TO: AMD - P10			AIRCRAFT: 420			ETD: 12:15		
FLIGHT: 10		FROM: VT			CREW: HUNG - N.CUONG - TU			ETA: 14:05		
XANH-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	93	1	3	1	12	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MINH HOANG	AMD	81-82	2	19	1	13	86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MẠNH HÀ	AMD	97	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU ĐỨC CHÍ	AMD	96	1	8	1	13	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC ĐẠT	AMD	88-89	2	18			65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LEM	AMD	95	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
7	NÔNG MINH HAI	AMD	94	1	13			73	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC BIỂU	AMD	90	1	9			65	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	83-84	2	17			100	CODIEN	Vietnamese
10	VŨ MẠNH ĐIệp	AMD	80	1	12	1	30	79	CODIEN	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG DUNG	AMD	86-87	2	14			67	CODIEN	Vietnamese
12	PHAN VĂN TRỌNG	AMD	92	1	5			60	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	78	1	4			63	PSV	Vietnamese
14	PHẠM TUẤN THANH	AMD	91	1	5			88	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤN VƯƠNG	AMD	98	1	7			68	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN QUỐC	AMD	300,99	2	14			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	85	1	5			75	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHI	P10	52-53	2	18			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG AN	P10	54	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P10	51	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	17	1,222	22	172	4	68	9		
2	P10	3	207	4	39	0	0	12		
TOTAL		20	1,429	26	211	4	68	21		
WEIGHT KG			1,429		211		68			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		TD3+P6+TTCl	7:25	11+6+0	0+0+0		11+0+10	0+0+0			
2		RP2+TD3+Thor	9:25	3+9+0	0+0+0		4+13+3	0+0+0			

TTDSSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2025	TO: RP2 - TD3 - THOR	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG -	ETA: 11:40
XANH-2		TU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KARPUNIN A.	RP2	41	1	16	1	33	92	KHOAN	Russian
2	PHẠM VĂN PHONG	RP2	39	1	11	4	70	62	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP2	40	1	6			58	PSV	Vietnamese
4	TRỊNH DUY THANH	TD3	80	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO HOÀI NAM	TD3	81	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI QUY	TD3	39-40	2	8			73	KHOAN	Vietnamese
7	VĂN ĐÌNH QUANG	TD3	30-31	2	13			65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	82	1	2			76	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH THẮNG	TD3	83	1	5			127	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG	TD3	38	1	7	8	126	73	SEAMAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC HÙNG	TD3	37	1	6			77	SEAMAP	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC CANH	TD3	41-42	2	14			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	3	212	3	33	5	103	4		
2	TD3	9	698	12	64	8	126	13		
3	THOR	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		12	910	15	97	13	229	20		
WEIGHT KG			910		97		229			

GRAND TOAL: 1.236 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/07/2025	TO: TD3 - P6 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHANG - XTRUONG - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN THUONG	TD3	91	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG MINH TOAN	TD3	93	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	88	1	5			102	KHOAN	Vietnamese
4	LAI THE DAT	TD3	87	1	4			92	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH AI HUU	TD3	94	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
6	LE ANH THOAI	TD3	92	1	6			94	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	TD3	85	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN THANG LOI	TD3	86	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN CHUNG	TD3	95-84	2	11			78	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN THIEN	TD3	96	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN CONG HIEN	TD3	89-90	2	8			76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHI HUNG	P6	63-64	2	12			62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN CONG THANH	P6	62	1	15			92	XAYLAP	Vietnamese
14	VU VAN QUYEN	P6	61	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM TIEN SY	P6	59-60	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
16	LE DANG DAO	P6	57-58	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
17	LUU MINH TUAN	P6	55-56	2	12	1	6	77	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	11	848	13	72	0	0	11		
2	P6	6	437	10	85	1	6	0		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		17	1.285	23	157	1	6	21		
WEIGHT KG			1.285		157		6			

GRAND TOAL: 1.448 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN